

MÔ HÌNH HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ THEO CHUỖI GIÁ TRỊ TẠI TỈNH HÀ GIANG

LÊ VĂN HÀ, PHẠM THỊ TRÂM

Tóm tắt: Phát triển kinh tế tập thể, nòng cốt là hợp tác xã cùng với phát triển nông nghiệp hữu cơ (NNHC) là các chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước. Ở Hà Giang, mô hình hợp tác xã NNHC tổ chức theo chuỗi giá trị giữa nông dân với hợp tác xã (HTX), doanh nghiệp. Đặc biệt là mô hình HTX kiểu mới có sự tham gia của nhiều chủ thể đã và đang góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống của người nông dân, nâng cao chất lượng sản phẩm, bảo vệ môi trường sinh thái, tạo ra chuỗi cung ứng sản phẩm hàng hóa phục vụ xuất khẩu. Tuy vậy, mô hình này còn bộc lộ nhiều hạn chế như liên kết giữa người nông dân với HTX, doanh nghiệp còn lỏng lẻo, vị thế người nông dân trong liên kết còn yếu... Để triển khai thực hiện các chủ trương của Đảng và Nhà nước theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 khóa XIII về kinh tế tập thể trong bối cảnh mới, cần thể chế hóa và ban hành cơ chế, chính sách riêng có tính đột phá cho phát triển NNHC; nâng cao nhận thức của người nông dân, doanh nghiệp, HTX; phát triển và mở rộng mô hình HTX có sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế.

Từ khóa: hợp tác xã, nông nghiệp hữu cơ, chuỗi giá trị, Hà Giang

ORGANIC AGRICULTURAL COOPERATIVES IN THE PRODUCTION OF VALUE CHAIN IN HA GIANG PROVINCE

Abstract: Collective economic development, with the core being cooperatives, together with organic agriculture development is the major policies of the Vietnamese Communist Party (VCP) and State. In Hà Giang, the model of organic agricultural cooperatives is organized along the value chain between farmers and cooperatives, businesses. Especially the new model of cooperatives with the participation of many people, which has been contributing to raising incomes, improving the lives of farmers, improving product quality, protecting the ecological environment and creating a supply chain of products and goods for export. However, this model still reveals many limitations such as the loose linkages between farmers and cooperatives and businesses, the unsound position of farmers in linkages... In order to implement the policies of the VCP and the State in the spirit of the Resolution of the 5th Central Committee, term XIII of the VCP on the development of collective economy in the new context, it is necessary to institutionalize and promulgate separate mechanisms and policies for the development of organic agriculture; to raise awareness of farmers, enterprises and cooperatives; to develop and expand the cooperative model with the participation of many economic sectors.

Keywords: cooperatives, organic agriculture, value chain, Ha Giang

1. Đặt vấn đề

Phát triển mô hình HTX kiểu mới cùng với phát triển NNHC là những chủ trương, định hướng lớn của Đảng và Nhà nước đối với phát triển nông nghiệp, nông thôn và nông dân trong bối cảnh mới [3]. Kết quả tổng kết 20 năm thực

hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW cho thấy, khu vực kinh tế tư nhân, HTX đã có bước phát triển mới về chất lượng, giai đoạn 2012 - 2021 đã thành lập 26.170 HTX. Đáng chú ý đã xuất hiện mô hình HTX trong các ngành nghề gắn với các nhu cầu phát triển kinh tế. Trong chuỗi giá trị,

HTX đã bắt đầu đóng vai trò là trung tâm đầu mối giúp cho các hộ sản xuất nhỏ lẻ tham gia vào chuỗi giá trị, có thể kiểm soát rủi ro trong hoạt động sản xuất, kinh doanh bằng liên kết với các bên.

Thực tiễn phát triển tại Hà Giang đã chứng minh, phát triển NNHC gắn với mô hình liên kết theo chuỗi giá trị giữa HTX với người nông dân hoặc giữa doanh nghiệp với người nông dân thông qua HTX, giúp cung cấp thực phẩm an toàn, nâng cao giá trị sản phẩm, tạo nguồn sản phẩm chất lượng cao phục vụ xuất khẩu, xóa đói giảm nghèo, nâng cao thu nhập cho người nông dân [6].

Tuy nhiên, từ thực tiễn phát triển mô hình HTX, tổ hợp tác (THT) chè Shan tuyết hữu cơ theo hướng liên kết theo chuỗi giá trị tại Hà Giang cũng cho thấy, số lượng các HTX tăng lên nhanh nhưng chất lượng và hiệu quả còn thấp, thành phần tham gia vào các HTX còn hạn chế, vị thế của người nông dân trong chuỗi giá trị liên kết chưa cao [6].

Do đó, cần thiết phải có các cơ chế, chính sách đặc thù để thúc đẩy phát triển và nâng cao, khẳng định vai trò kinh tế tập thể trong lĩnh vực nông nghiệp, trong sản xuất NNHC nói riêng.

2. Cơ sở dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở dữ liệu

Bài báo sử dụng nguồn dữ liệu thứ cấp (số liệu thống kê và báo cáo của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hà Giang); nguồn dữ liệu sơ cấp thu thập thông qua phỏng vấn sâu với các HTX, doanh nghiệp, người dân; thảo luận nhóm với các cơ quan chuyên môn của tỉnh Hà Giang.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm được sử dụng để thu thập thông tin, dữ liệu về thực trạng phát triển HTX NNHC tại tỉnh Hà Giang.

Tiến hành thảo luận nhóm đối với lãnh đạo sở, 04 chuyên viên phụ trách trồng trọt, chăn

nuôi, lâm nghiệp và quản lý chất lượng thuộc Sở NN&PTNT, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hà Giang; phỏng vấn sâu 3 giám đốc HTX, doanh nghiệp tham gia liên kết, 5 hộ dân trồng chè hữu cơ theo phương pháp lựa chọn ngẫu nhiên trong các mô hình liên kết tại xã Cao Bồ (huyện Vị Xuyên), xã Tân Lập (huyện Bắc Quang).

Sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp và so sánh để làm rõ thực trạng phát triển HTX NNHC trên địa bàn tỉnh Hà Giang thông qua một số nghiên cứu trường hợp.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về HTX và phát triển NNHC

Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002 Hội nghị Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả của kinh tế tập thể đã được quán triệt và triển khai sâu rộng. Kết quả là, nhận thức về phát triển kinh tế tập thể mà trọng tâm là HTX trong hệ thống chính trị được nâng lên; chính sách, pháp luật về kinh tế tập thể được thể chế hóa và hoàn thiện. Số lượng HTX, THT, liên hiệp HTX thành lập mới tăng lên đáng kể, phát triển đa dạng hơn về ngành nghề, quy mô và trình độ, hỗ trợ tốt hơn các thành viên trong tạo việc làm và nâng cao thu nhập. Liên kết giữa các HTX với nhau, HTX với các doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác đã bước đầu phát triển [3].

Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022, Hội nghị Trung ương 5 khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới, trong đó xác định kinh tế tập thể cùng với kinh tế nhà nước trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân với nhiều mô hình hợp tác, liên kết trên cơ sở tôn trọng bản chất, giá trị và nguyên tắc của kinh tế tập thể, thu hút ngày càng nhiều hộ nông dân, hộ gia đình [4].

Bên cạnh đó, phát triển nông nghiệp theo hướng NNHC, nông nghiệp an toàn, bảo vệ môi trường sinh thái trong nông nghiệp và nông thôn

được Đảng và Nhà nước quan tâm từ khá sớm, đến các Đại hội gần đây, vấn đề này được đề cập rõ hơn. Tại Hội nghị lần thứ 7 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X đã xác định: *“Nông nghiệp, nông thôn, nông dân có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội bền vững, giữ vững ổn định chính trị xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng, giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái; tăng cường năng lực của hệ thống khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, thú y, bảo vệ thực vật và các dịch vụ khác ở nông thôn; xây dựng các vùng sản xuất nông nghiệp an toàn, công nghệ cao”* [2].

Trong văn kiện Đại hội lần thứ XIII khẳng định: *“Đẩy mạnh cơ cấu lại nền nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới, hướng tới mô hình nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh”* [2]. Tiếp đến, Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII xác định: *“Phát triển nông nghiệp bền vững theo hướng sinh thái, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng; khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn”* [3].

Về chủ trương phát triển NNHC, Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, trong đó đưa ra định hướng và chính sách khuyến khích phát triển NNHC. Các quy định về sản xuất NNHC được thể hiện rõ trong Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018. Nghị định quy định về sản xuất, chứng nhận, truy xuất nguồn gốc, kiểm tra nhà nước sản phẩm NNHC, chính sách khuyến khích phát triển sản xuất NNHC. Trong đó, một số chính sách ưu tiên cho phát triển NNHC bao gồm: ưu tiên kinh phí nghiên cứu khoa học, khuyến nông để thực hiện các đề tài, dự án khuyến nông, đặc biệt về giống,

sâu bệnh, phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, thuốc thú y thảo mộc.

Bên cạnh đó, còn có một số chính sách đặc thù hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ, HTX, trang trại, hộ gia đình, nhóm hộ sản xuất sản phẩm hữu cơ như: hỗ trợ 100% kinh phí xác định các vùng, khu vực đủ điều kiện sản xuất hữu cơ (điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí do cấp có thẩm quyền phê duyệt); hỗ trợ một lần 100% chi phí cấp giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) về NNHC do Tổ chức chứng nhận cấp; hỗ trợ đào tạo, tập huấn sản xuất hữu cơ (định mức hỗ trợ thực hiện theo quy định của Chính phủ về khuyến nông); hỗ trợ xây dựng, nhân rộng mô hình sản xuất hữu cơ theo TCVN.

Nhằm tiếp tục hỗ trợ cho phát triển nông nghiệp theo hướng sinh thái theo chủ trương của Đảng, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Đề án phát triển NNHC giai đoạn 2021 - 2030, với mục tiêu phát triển nền NNHC có giá trị gia tăng cao, bền vững, thân thiện với môi trường gắn với nông nghiệp tuần hoàn phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Đề án cũng xác định: những sản phẩm NNHC được chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn hữu cơ của khu vực và thế giới sẽ đưa Việt Nam trở thành quốc gia có trình độ sản xuất NNHC ngang bằng các nước tiên tiến trên thế giới.

3.2. Thực trạng phát triển và tổ chức sản xuất NNHC tại Hà Giang

3.2.1. Mô hình tổ chức sản xuất phát triển NNHC theo chuỗi giá trị

Trong thực tế, phát triển chè Shan tuyết hữu cơ (Hà Giang) đã manh nha hình thành từ năm 2010 với mô hình liên kết giữa doanh nghiệp và các hộ trồng chè Shan tuyết, diện tích khoảng 845,25 ha tại xã Cao Bồ. Đến nay, diện tích canh tác NNHC ở Hà Giang đã tăng lên vài chục lần so với giai đoạn đầu, với diện tích khoảng 6.719,51 ha.

Tuy vậy, diện tích canh tác NNHC ở Hà

Giang chiếm tỷ trọng khá nhỏ so với diện tích đất nông nghiệp (chiếm 3,34% tổng diện tích đất nông nghiệp). Tỉnh Hà Giang cũng chỉ mới thành công trong việc sản xuất đạt tiêu chuẩn hữu cơ đối với cây chè Shan tuyết. Các cây trồng, vật nuôi có tiềm năng khác như cam sành, cây ăn quả (đào, lê, mận, bưởi), mật ong bạc hà, cây dược liệu, rau, vật nuôi (bò, lợn) chưa có sản phẩm nào đạt chuẩn hữu cơ.

Hà Giang đã phát triển tương đối đa dạng các hình thức tổ chức, trong đó ưu tiên cho mô

hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị. Kết quả nghiên cứu cho thấy, Hà Giang có 6 hình thức tổ chức sản xuất chè hữu cơ theo hướng liên kết: (1) giữa HTX với hộ nông dân (hộ trồng chè); (2) giữa doanh nghiệp với hộ nông dân; (3) giữa THT với hộ nông dân; (4) giữa HTX, doanh nghiệp và hộ nông dân; (5) liên kết 4 bên giữa HTX, doanh nghiệp chế biến, doanh nghiệp bao tiêu và phân phối sản phẩm và hộ nông dân; (6) giữa doanh nghiệp, hộ nông dân, đại lý thu mua...

Bảng 1. Số lượng HTX, THT chè Shan tuyết hữu cơ ở Hà Giang năm 2021 [5]

TT	Huyện	Hợp tác xã	Tổ hợp tác	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)
1	Vị Xuyên	6	-	1.450,9	4.127,5
2	Bắc Quang	1	1	143	490
3	Quang Bình	4	-	1.333,6	3.899
4	Hoàng Su Phì	9	-	2.023,55	5.568,9
	Tổng	20	1	5.237,05	13.738,4

Mô hình tổ chức sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị ở Hà Giang bước đầu đã hình thành liên kết chặt chẽ giữa sản xuất, chế biến và tiêu thụ. Hình thành một số HTX nhiều thành phần, trong đó có doanh nghiệp khoa học công nghệ, tổ chức thiết kế quảng bá sản phẩm và ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học vào sản xuất sản phẩm chè. Mô hình tổ chức sản xuất có hiệu quả cao và phát triển ổn định trong một thời gian dài, có thể nhân rộng là liên kết 4 bên giữa HTX chè Tây Côn Lĩnh - Công ty TNHH Thành Sơn - Viện Thiết kế Hoa Lan - hộ trồng chè Shan tuyết.

Nhiều cơ chế, chính sách phát triển NNHC, kinh tế tập thể đã được địa phương cụ thể hóa. Đặc biệt, đã có nhiều giải pháp đồng bộ, tích hợp các chính sách từ nhiều chương trình được áp dụng vào phát triển sản xuất theo hướng hữu cơ trên sản phẩm chè như: hỗ trợ xây dựng vùng nguyên liệu, hỗ trợ giấy chứng nhận sản phẩm hữu cơ theo tiêu chuẩn Việt Nam, chính sách hỗ trợ đầu tư công nghệ chế biến, đóng gói sản phẩm hữu cơ... đã cho những kết quả khả quan.

Một số doanh nghiệp, HTX sản xuất chè Shan tuyết hữu cơ đã đầu tư vào khâu nghiên cứu cho ra nhiều sản phẩm mới, phát huy được lợi thế của trà cổ thụ Việt Nam như Hồng Trà, Bạch Trà, trà Phổ Nhĩ, trà xanh, cao chè, thực phẩm chức năng...

Nhận thức của người nông dân, doanh nghiệp, HTX về NNHC ngày càng tăng lên. Điều này thể hiện qua số hộ nông dân, HTX, doanh nghiệp tham gia vào phát triển NNHC ngày càng nhiều. Tính đến năm 2021, có 20 HTX chè hữu cơ. Nghiên cứu trường hợp 2 mô hình hoạt động liên kết của HTX trong chuỗi giá trị cho thấy rõ vai trò của HTX trong sản xuất chè hữu cơ.

- Hình thức liên kết giữa HTX - hộ nông dân

Ở mô hình này, HTX liên kết với người trồng chè (hộ nông dân) để sản xuất, chế biến và tiêu thụ chè Shan tuyết hữu cơ. Liên kết được thực hiện thông qua bản cam kết giữa các hộ trồng chè với HTX. Trong đó, HTX cam kết bao tiêu sản phẩm theo giá thị trường, các hộ trồng chè

cam kết thực hiện đúng các qui định của canh tác hữu cơ và bán sản phẩm cho HTX. Để thuận lợi cho quản lý, giám sát hoạt động canh tác, các hộ trồng chè được chia thành các tổ sản xuất.

Trong hình thức liên kết này, Nhà nước (chính quyền xã, trưởng thôn) đóng vai trò trung gian, chứng thực bản cam kết và tham gia vào quá trình theo dõi, giám sát để hỗ trợ hoạt động sản xuất hữu cơ của địa phương. Bên cạnh đó, thông qua chính sách phát triển (chương trình nông thôn mới, chương trình giảm nghèo dựa vào phát triển hàng hóa, đề án tái cơ cấu nông nghiệp, chính sách phát triển NNHC...), chính quyền địa phương đã hỗ trợ cho các dự án liên kết: hỗ trợ kinh phí xác định vùng nguyên liệu; hỗ trợ kinh phí làm giấy chứng nhận hữu cơ theo tiêu chuẩn Việt Nam (lần đầu); hỗ trợ xây dựng chỉ dẫn địa lý, hỗ trợ 100% chi phí thiết kế mẫu và mua tem, bao bì; hỗ trợ đào tạo, tập huấn và chuyển giao kỹ thuật canh tác hữu cơ...

Một số mô hình điển hình cho hình thức liên kết sản xuất này là HTX chế biến chè Phìn Hồ (xã Thông Nguyên, huyện Hoàng Su Phì). HTX được hình thành từ năm 2008 với diện tích chè giới hạn (khoảng 35 ha), sản phẩm làm ra chỉ bán trên địa bàn tỉnh Hà Giang với giá thấp, doanh thu khoảng 500 triệu đồng/năm. Sau khi chuyển sang sản xuất chè theo hướng hữu cơ từ năm 2017, HTX nhận được sự hỗ trợ của tỉnh để cải thiện công nghệ chế biến, xây dựng nhà xưởng, qui hoạch vùng nguyên liệu, cấp giấy chứng nhận hữu cơ theo tiêu chuẩn Việt Nam, hỗ trợ tập huấn và chuyển giao công nghệ sản xuất hữu cơ [5].

Đến nay, HTX Phìn Hồ đã mở rộng diện tích canh tác hữu cơ lên 541,55 ha. Trong đó, 136,55 ha đạt tiêu chuẩn châu Âu (vùng chè tại các xã Hồ Thầu, Tả Sử Choóng và Túng Sán), 405 ha đạt tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 11041:2-2017)); sản lượng chè hữu cơ đạt 1.250,5 tấn và có hơn 900 hộ tham gia vào liên

kết. HTX đã mở rộng thị trường tiêu thụ chè ra 63 tỉnh/thành, bước đầu thâm nhập thành công vào các thị trường khó tính như châu Âu.

- Hình thức liên kết giữa HTX - doanh nghiệp - hộ nông dân trồng chè - tổ chức khác

Mô hình liên kết 4 nhà giữa HTX Tây Côn Lĩnh, công ty TNHH Thành Sơn (doanh nghiệp tư nhân), hộ nông dân trồng chè và Học viện Thiết kế Hoa Lan là mô hình điển hình trong tổ chức sản xuất chè hữu cơ theo hướng liên kết ở Hà Giang. Trong đó, HTX Tây Côn Lĩnh là HTX kiểu mới, được thành lập vào năm 2004, với 32 thành viên, gồm nhà nông (những người nông dân), nhà khoa học (một số nhà khoa học nghiên cứu về cây chè), doanh nghiệp (Công ty TNHH Thành Sơn), tổ chức hỗ trợ thiết kế (Học viện Thiết kế Hoa Lan).

HTX Tây Côn Lĩnh đã liên kết với các hộ gia đình có chè Shan tuyết cổ thụ để mở rộng vùng nguyên liệu sản xuất lên hơn 600 ha (có 235,7 ha được chứng nhận tiêu chuẩn hữu cơ Việt Nam).

Trong mô hình này, HTX đứng ra bao tiêu toàn bộ sản phẩm đầu ra cho hộ nông dân; Công ty TNHH Thành Sơn - doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ, giữ vai trò nghiên cứu, chế biến các nguyên liệu do HTX cung cấp thành các sản phẩm trà và dược liệu tốt cho sức khỏe.

Một số sản phẩm của mô hình liên kết này đã khẳng định thương hiệu trên thị trường như Hồng Trà, trà Trắng, trà Phổ Nhĩ. Một số sản phẩm trà khác như trà Bạch mi Tiên Cô, trà Hồng Shan tuyết, trà Lạc Hồng, Lạc Việt, cao trà, mỹ phẩm và dược phẩm chế biến từ chè. Ngoài ra, Công ty TNHH Thành Sơn đã nghiên cứu, chế biến thành công các sản phẩm từ nguyên liệu chè Shan tuyết như cao trà, viên thực phẩm chức năng.

Sản phẩm của mô hình liên kết này đã mở rộng tiêu thụ tại nhiều tỉnh, thành trên cả nước và nước ngoài, trong đó có những thị trường khó tính và yêu cầu cao về chất lượng như Nhật Bản,

Pháp. Tuy nhiên, sản lượng xuất khẩu của HTX còn thấp so với tiềm năng.

3.2.2. Một số vấn đề đặt ra đối với phát triển và tổ chức sản xuất NNHC theo chuỗi giá trị

Thứ nhất, số lượng HTX tương đối nhiều nhưng quy mô sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, trình độ canh tác không đồng đều giữa các hộ nông dân, các địa phương, nhất là về qui mô diện tích chè của các HTX, THT, làm cho việc áp dụng kỹ thuật canh tác hữu cơ chưa đạt hiệu quả cao.

Thứ hai, vai trò của doanh nghiệp, HTX trong liên kết theo chuỗi giá trị sản xuất hữu cơ còn thiếu ở một số khâu quan trọng.

Trong mô hình liên kết theo chuỗi giá trị, HTX đóng vai trò cầu nối giữa doanh nghiệp với người nông dân, tập trung vào khâu sản xuất hoặc chế biến, trong khi doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng và tham gia vào tất cả các khâu trong chuỗi giá trị ngành hàng nông nghiệp và tìm kiếm thị trường tiêu thụ. Công nghệ sơ chế, đóng gói, bảo quản, nhất là áp dụng công nghệ trong chế biến sản phẩm tinh, thô còn chưa cao, mới chỉ được một số doanh nghiệp, HTX thực hiện. Việc tổ chức kênh phân phối trong nước và ngoài nước chưa tốt, rất ít doanh nghiệp HTX thực hiện hiệu quả.

Thứ ba, trình độ nhận thức của một bộ phận không nhỏ hộ nông dân, thương lái, cơ sở chế biến còn hạn chế trong đảm bảo thương hiệu, chất lượng sản phẩm. Khả năng tham gia của từng tác nhân trong chuỗi còn thấp, chưa có kiến thức về mô hình kinh doanh theo chuỗi. Trình độ và nhận thức hạn chế còn thể hiện trong khả năng đáp ứng tiêu chuẩn, quy định về chất lượng, an toàn thực phẩm của thị trường thế giới.

Thứ tư, cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp nông nghiệp và doanh nghiệp hữu cơ cũng như hoạt động của NNHC chưa hiệu quả. Hiện nay, chính sách phát triển NNHC được thực hiện thông qua Nghị định số 109/2018/NĐ-CP. Các chính sách khác được lồng ghép với nhiều chương trình,

chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, chính sách cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, chính sách cho các HTX...

Thứ năm, người nông dân có vai trò quan trọng trong liên kết nhưng vị thế của họ trong chuỗi khá thấp, đặc biệt trong phân chia lợi ích và giá trị tạo ra trong chuỗi, hộ trồng chè chỉ chiếm 1/16 đến 1/20 giá trị trên một sản phẩm... dẫn đến liên kết chưa chặt chẽ giữa người nông dân - doanh nghiệp - HTX. Bên cạnh đó, nhận thức của một bộ phận nông dân tham gia chuỗi liên kết còn hạn chế, chưa tuân thủ những ràng buộc trách nhiệm với HTX và doanh nghiệp, vẫn có tâm lý bán hàng ra ngoài, phá vỡ cam kết khi giá thị trường lên cao.

4. Kết luận và khuyến nghị

Qua nghiên cứu trường hợp tại tỉnh Hà Giang cho thấy, mô hình HTX chè hữu cơ theo hướng liên kết theo chuỗi giá trị đã phát triển rất nhanh trong giai đoạn từ năm 2017 đến nay.

Các hình thức liên kết theo chuỗi giá trị giữa HTX với nông dân, doanh nghiệp đã phát triển đa dạng, có sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế, nhiều tổ chức khác nhau. Đặc biệt là mô hình HTX với sự tham gia góp vốn và tham gia liên kết của doanh nghiệp, nhà khoa học (như trường hợp HTX Tây Côn Lĩnh). HTX đã có những đóng góp ý nghĩa trong hình thành các tổ chức sản xuất nông nghiệp, hỗ trợ người dân trong sản xuất và nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp. Đối với phát triển NNHC, bên cạnh vai trò nòng cốt là doanh nghiệp thì HTX đóng vai trò là cầu nối giữa người nông dân với doanh nghiệp cũng như thu hút được nhiều người dân tham gia vào chuỗi liên kết.

Nhìn chung, địa phương đã có các chính sách ưu tiên cho các HTX nông nghiệp, gắn hoạt động sản xuất kinh doanh theo chuỗi sản phẩm. Ưu tiên các HTX có ứng dụng khoa học công nghệ và phát triển theo hướng xanh, hữu cơ. Tuy nhiên, số lượng HTX NNHC ứng dụng khoa học

công nghệ và có nhiều thành phần tham gia còn hạn chế.

Để thực hiện hiệu quả phát triển NNHC, nâng cao hiệu quả hoạt động của HTX trong giai đoạn mới, tỉnh Hà Giang cần quan tâm đến các nội dung trong tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị:

- Thứ nhất, cần đa dạng hóa các thành phần kinh tế, tổ chức tham gia vào HTX trong chuỗi sản xuất. Nhà nước cần có cơ chế, chính sách khuyến khích sự tham gia của các thành phần kinh tế, tạo sự bình đẳng trong tiếp cận lợi ích của các thành viên và tập thể tham gia. Khuyến khích mở rộng các thành viên tham gia, đa dạng hóa các thành viên trong tổ chức kinh tế tập thể;

- Thứ hai, nâng cao trình độ, nhận thức cho người dân tham gia HTX. Trước hết là nhận thức về vị trí, vai trò của mình trong chuỗi giá trị để từ đó có các ứng xử đúng đảm bảo nguyên tắc hoạt động. Để đạt được điều này, yêu cầu sự hỗ

trợ và chia sẻ của các thành viên trong HTX, đồng thời có cơ chế giám sát, quản lý chéo trong các chủ thể tham gia HTX theo đúng nguyên tắc, quy định đã đặt ra;

- Thứ ba, cần ưu tiên thực hiện các chính sách hỗ trợ, đặc biệt là hỗ trợ về vốn và huy động vốn trong phát triển các HTX sản xuất nông nghiệp theo hướng xanh, hữu cơ, tuần hoàn. Trong đó, cần quan tâm hỗ trợ đặc biệt cho các HTX có nghiên cứu, ứng dụng công nghệ trong sản xuất và chế biến;

- Thứ tư, phát huy tinh thần tự nguyện và tự chủ của các thành viên tham gia HTX, cần đặc biệt nâng cao vị thế của người nông dân trong HTX và chuỗi. Cần có cơ chế để các thành viên tham gia HTX, khẳng định vai trò là chủ thể kinh tế, được tự chủ và hưởng đầy đủ quyền lợi cũng như chịu trách nhiệm đối với những đóng góp của mình theo quy định và điều lệ của tổ chức/.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002 về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể.*
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2008), *Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.*
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2022), *Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.*
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2022), *Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới.*
5. Phạm Thị Trâm và nnk (2022), *Phát triển NNHC tại tỉnh Hà Giang và Yên Bái*, Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài khoa học cấp Bộ 2021-2022, Viện Địa lí nhân văn.
6. Thủ tướng Chính phủ (2013), *Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 về phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.*
7. Thủ tướng Chính phủ (2017), *Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2017 về phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2017- 2020.*
8. Thủ tướng Chính phủ (2018), *Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 về nông nghiệp hữu cơ;*
9. Thủ tướng Chính phủ (2020), *Quyết định số 885/QĐ-TTg ngày 23/6/2020 về phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020 - 2030.*
10. Thủ tướng Chính phủ (2021), *Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/2/2021 về việc phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025 của Thủ tướng Chính phủ.*

Thông tin tác giả:

Lê Văn Hà, Phạm Thị Trâm - Viện Địa lí nhân văn

Địa chỉ: Số 176 Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội

Email: levanhakhxh@gmail.com; Điện thoại: 0973.474.310

Nhật ký tòa soạn

Ngày nhận bài: 05/10/2022

Biên tập: 11/2022